HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 14/2023/NQ-HĐND	*Bình Thuận, ngày 10 tháng 10 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT
Đặt tên đường trên địa bàn thành phố Phan Thiết và huyện Đức Linh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ 17 (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 3030/TTr-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết đặt tên đường trên địa bàn thành phố Phan Thiết và huyện Đức Linh; Báo cáo thẩm tra số 108/BC-HĐND ngày 26 tháng 9 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc điều chỉnh chiều dài 02 tuyến đường đã được đặt tên và đặt tên 25 tuyến đường trên địa bàn thành phố Phan Thiết và huyện Đức Linh tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh chiều dài 02 tuyến đường đã được đặt tên và đặt tên 18 tuyến đường trên địa bàn thành phố Phan Thiết *(Phụ lục 1 kèm theo).*

2. Đặt tên 07 tuyến đường trên địa bàn huyện Đức Linh *(Phụ lục 2 kèm theo).*

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh,

các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Thuận khóa XI, kỳ họp thứ 17 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tài chính;
- Ban Công tác đại biểu - UBTV Quốc hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bình Thuận;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và đoàn thể tỉnh;
- Các Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND và UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, (CTHD.08b) Duyên.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

Nguyễn Hoài Anh

Phụ lục 1

Điều chỉnh chiều dài 02 tuyến đường, đặt tên 18 tuyến đường trên địa bàn thành phố Phan Thiết

(Kèm theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

I. Điều chỉnh chiều dài 02 tuyến đường đã đặt tên tại phường Phú Tài

1. Đường **VŨ TRỌNG PHỤNG**: Đoạn từ giáp đường dự kiến đặt tên Nguyễn Văn Nhân (tọa độ: X: 454967.85; Y: 1207982.70) đến giáp đường Hoàng Cầm (tọa độ: X: 454454.7827; Y: 1208341.9431).

Kích thước: Dài 822m x rộng 6m - 7m (đoạn đã đặt tên là 312m (từ đường dự kiến đặt tên Nguyễn Văn Nhân đến đường Nguyễn Văn Linh); đoạn tăng thêm là 510m (từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Hoàng Cầm).

2. Đường **NGUYỄN VIẾT XUÂN**: Đoạn từ giáp đường Hoàng Cầm (tọa độ: X: 454620.37; Y: 1208458.37) đến giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 455100.79; Y: 1208369.56).

Kích thước: Dài 494m hiện trạng + 65m quy hoạch x rộng 5m (đoạn đã đặt tên là 429m (từ đường Hoàng Cầm đến đường Võ Văn Tần); đoạn tăng thêm là 130m (từ đường Võ Văn Tần đến hết đường quy hoạch).

II. Đặt tên 18 tuyến đường

1. Phường Phú Tài: 08 tuyến đường

a) Đường **MẠC THỊ BƯỞI:** Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 455100.97; Y: 1208061.05) đến giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 454304.1908; Y: 1208215.3974). Kích thước: Dài 695m hiện trạng + 105m quy hoạch x rộng 5m.

b) Đường **MĂNG ĐA**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường Nguyễn Viết Xuân (tọa độ: X: 454993.7428; Y: 1208133.5565) đến giáp đường Trương Gia Hội (tọa độ: X: 454793.7517; Y: 1208171.4296). Kích thước: Dài 205m x rộng 5m.

c) Đường **TRƯƠNG SANH THẠCH**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường Vũ Trọng Phụng (đoạn điều chỉnh chiều dài, tọa độ: X: 454602.1679; Y: 1208011.9250) đến giáp đường Nguyễn Thị Định (tọa độ: X: 454654.1091; Y: 1208291.6480). Kích thước: Dài 281m x rộng 5m.

d) Đường **NGÔ THỊ NGƯ:** Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường Vũ Trọng Phụng (đoạn điều chỉnh chiều dài, tọa độ: X: 454551.2657; Y: 1208021.2282) đến giáp đường Nguyễn Thị Định (tọa độ: X: 454604.3002; Y: 1208309.5666). Kích thước: Dài 290m x rộng 7m.

đ) Đường **NGUYỄN THỊ HÒA**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường dự kiến đặt tên Ngô Thị Ngư (tọa độ: X: 454582.9181; Y:

1208214.0583) đến giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 454300.6653; Y: 1208269.9371). Kích thước: Dài 290m x rộng 4,25m.

e) Đường **PHẠM MINH TƯ**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường dự kiến đặt tên Ngô Thị Ngư (tọa độ: X: 454592.1044; Y: 1208263.6734) đến giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 454299.1696; Y: 1208320.7354). Kích thước: Dài 300m x rộng 5m.

g) Đường **NGUYỄN THANH MẬN**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường dự kiến đặt tên Mạc Thị Bưởi (tọa độ: X: 454731.9469; Y: 1208134.3471) đến giáp đường Nguyễn Viết Xuân (tọa độ: X: 454784.1670; Y: 1208424.1540). Kích thước: Dài 290m x rộng 5m.

h) Đường **NGUYỄN VĂN NHÂN**: Đường nội bộ khu dân cư Văn Thánh, đoạn từ đường Bế Văn Đàn (tọa độ: X: 455063.3; Y: 1208499.64) đến giáp đường quy hoạch (tọa độ: X: 454955.36; Y: 1207883.36). Kích thước: Dài 470m hiện trạng + 150m quy hoạch x rộng 5m.

2. Phường Phú Hài: 04 tuyến đường

a) Đường **HOA BẰNG**: Đường liên thôn khu phố 4, 5, đoạn từ nhà ông Nguyễn Tâm (tọa độ: X: 461605.8800; Y: 1208929.3600) đến giáp điểm giao nhau giữa đường hiện hữu và đường quy hoạch (X: 461205.2; Y: 1209016.6). Kích thước: Dài 420m x rộng 5m-8m.

b) Đường **HOÀNG VĂN THÁI**: Đường nội bộ, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng (tọa độ: X: 458721.8486; Y: 1210067.4736) đến giáp đường Châu Văn Liêm (tọa độ: X: 457864.6004; Y: 1210106.4438). Kích thước: Dài 860m x rộng 7m.

c) Đường **HOÀNG TÍCH TRÍ**: Đường nội bộ, đoạn từ đường Tuệ Tĩnh (tọa độ: X: 458506.6510; Y: 1209924.7425) đến giáp đường Lê Thanh Nghị (tọa độ: X: 458327.3313; Y: 1209932.8922). Kích thước: Dài 180m x rộng 9m.

d) Đường **TRẦN TỬ BÌNH**: Đường nội bộ, đoạn từ đường Tôn Thất Tùng (tọa độ: X: 458708.9781; Y: 1209785.3334) đến giáp Sở Tài chính (tọa độ: X: 458405.6758; Y: 1209799.1215). Kích thước: Dài 310m x rộng 9m.

3. Phường Mũi Né: 01 tuyến đường

Đường **ĐẠM PHƯƠNG**: Đường nội bộ khu phố 14, đoạn từ đường Hồ Xuân Hương (tọa độ: X: 476945.52; Y: 1028685.98) đến giáp nhà bà Ngô Thị Mỹ Ngọc (tọa độ: X: 477198.77; Y: 1208737.90). Kích thước: Dài 260m x rộng 6m - 8m.

4. Phường Thanh Hải: 01 tuyến đường

Đường **BÙI XƯƠNG TRẠCH**: Đường nội bộ khu dân cư AE, đoạn từ đường Phạm Đình Hổ (tọa độ: X: 459911.94; Y: 1209483.28) đến giáp đường

Nguyễn Phúc Khoát (tọa độ: X: 459812.74; Y: 1209463.39). Kích thước: Dài 111m x rộng 7m.

5. Phường Phú Thủy: 01 tuyến đường

Đường **ĐỖ NGỌC DU**: Đường nội bộ khu phố 6, đoạn từ đường Phạm Tuấn Tài (tọa độ: X: 457664; Y: 1209967) đến giáp đường Đào Tấn (tọa độ: X: 457458; Y: 1209974). Kích thước: Dài 195m x rộng 6m.

6. Phường Xuân An: 03 tuyến đường

a) Đường **DƯƠNG THỊ XUÂN QUÝ**: Đường nội bộ khu dân cư Bắc Xuân An (đoạn từ đường dự kiến đặt tên Đốc Ngữ (tọa độ: X: 457674.14; Y: 1210840.65) đến giáp đường chưa có tên (tọa độ: X: 457789.53; Y: 1210840.65). Kích thước: Dài 115m x rộng 7,5m.

b) Đường **ĐỖ QUANG**: Đường nội bộ khu dân cư Bắc Xuân An (đoạn từ đường dự kiến đặt tên Đốc Ngữ (tọa độ: X: 457673.98 ; Y: 1210897.54) đến giáp đường chưa có tên (tọa độ: X: 457789.78; Y: 1210897.54). Kích thước: Dài 115m x rộng 7,5m.

c) Đường **ĐỐC NGỮ**: Đường nội bộ khu dân cư Bắc Xuân An, đoạn từ đường chưa có tên (tọa độ: X: 457794.61; Y: 1210951.08) đến giáp đường chưa có tên (tọa độ: X: 457794.61; Y: 1210788.08). Kích thước: Dài 163m x rộng 7,5m.

Phụ lục 2
Đặt tên 07 tuyến đường trên địa bàn huyện Đức Linh
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 10/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

1. Thị trấn Võ Xu: 04 tuyến đường

a) Đường **ĐỒNG KHỞI**: Đường N10.1 (đường nhà trọ My My), đoạn từ đường Bà Huyện Thanh Quan (tọa độ: X: 397267.8456; Y: 1237541.7217) đến giáp đường quy hoạch D1.1 (tọa độ: X: 96737.1076; Y: 1237321.1347). Kích thước: Dài 380m hiện trạng + 195m quy hoạch x rộng 4m.

b) Đường **NGUYÊN HỒNG:** Đường D6.3 (đường ra Bàu Ba Bông), đoạn từ đường Hàm Nghi (tọa độ: X: 397895.3526; Y: 1237834.1846) đến giáp đường quy hoạch N11.2 (tọa độ: X: 397877.6210; Y: 1237943.0471). Kích thước: Dài 112,6m x rộng 3,5m - 4m.

c) Đường **HOÀNG CẦM**: Đường N1.2 (đường nhà ông Đê), đoạn từ đường Bế Văn Đàn (tọa độ: X: 399156.3114; Y: 1236505.6382) đến giáp đường Phù Đổng Thiên Vương (tọa độ: X: 398047.6790; Y: 1236312.1903). Kích thước: Dài 680m hiện trạng + 450m quy hoạch x rộng 4m - 4,5m.

đ) Đường **KIM ĐỒNG**: Đường N11.2 và N12 (đường dọc theo kênh mương nước thủy lợi Tà Pao), đoạn từ đường quy hoạch D13.3 (tọa độ: X: 400464.2071; Y: 1238409.9657) đến giáp đường Ngô Sỹ Liên (tọa độ: X: 397612.1500; Y: 1237898.0611). Kích thước: Dài 2.524,2m hiện trạng + 587m quy hoạch x rộng 4m.

2. Thị trấn Đức Tài: 03 tuyến đường

a) Đường **NGUYỄN CÔNG TRỨ**: Đường quy hoạch D11a (đường bên hông nhà chú Hùng), đoạn từ đường 3 tháng 2 (tọa độ: X: 392070.2616; Y: 1234291.0359) đến giáp đường Lý Thường Kiệt (nối dài) (tọa độ: X: 391780.6351; Y: 1234410.0162). Kích thước: Dài 482,42m x rộng 3,5m.

b) Đường **TRẦN NGUYÊN HÃN**: Đường quy hoạch D9a (đường bên hông khu phố 6) (đoạn từ đường quy hoạch N12 (tọa độ: X: 391864,3849; Y: 1233927,6847) đến giáp đường Lý Thường Kiệt (tọa độ: X: 391436.3296; Y: 1234317.5302). Kích thước: Dài 500m hiện trạng + 44,79m quy hoạch x rộng 4m.

c) Đường **TÔN THẤT THUYẾT**: Đường chính khu dân cư Bông Vải, khu phố 10 (đoạn từ đường Trần Hưng Đạo (tọa độ: X: 392147.9279; Y: 1232521.3326) đến giáp đường 30/4 (tọa độ: X: 391881.3437; Y: 1232188.9626). Kích thước: Dài 450m x rộng 4,5m./.